

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2026/DS-ST.

Ngày: 06-5-2026.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hiền.

+ Ông Trần Châu Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị B** - Sinh năm: 1970; địa chỉ: Ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh C** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- **Bị đơn:**

1) Ông **Huỳnh Long Đ** - Sinh năm: 1952; địa chỉ: Số E, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2) Bà **Lê Thị B1** - Sinh năm: 1953; địa chỉ: Số E, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 05 tháng 12 năm 2025, bà Trần Thị B có cho vợ chồng ông Huỳnh Long Đ, bà Lê Thị B1 vay số tiền là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) với thời hạn vay là một tháng kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2025. Việc vay tiền, ông Đ có ký tên vào Giấy mượn tiền ghi ngày 05 tháng 12 năm 2025, nội dung của Giấy mượn tiền không có ghi nhận về việc thỏa thuận trả tiền lãi. Hết thời hạn vay, bà B có yêu cầu ông Đ, bà B1 trả số tiền đã vay nhưng ông Đ, bà B1 chưa trả được khoản tiền nào cho bà B. Do vậy, bà B khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà B1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền đã vay là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Huỳnh Long Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận là ông còn nợ bà Trần Thị B số tiền là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 05/12/2025, giấy mượn tiền này do ông Đ viết nội dung và ký tên. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng: Từ năm 2022, ông có vay tiền của bà B nhiều lần để cho người khác vay lại (chủ yếu là để người vay trả nợ Ngân hàng rồi vay lại), ông có trả tiền lãi đầy đủ cho bà B với mức là 100.000.000VNĐ (một trăm triệu đồng) mỗi tháng trên số nợ gốc là một tỷ đồng, đến tháng 12 năm 2025 những người vay tiền của ông bỏ trốn nên ông không còn khả năng trả tiếp cho bà B. Ông đã trả tiền lãi cho bà B từ năm 2022 đến nay, ông không nhớ đã trả bao nhiêu tiền cho bà B nhưng đã quá vốn, hiện nay ông không còn khả năng để trả tiền vốn nên xin miễn trả nợ cho B.

Ông vay tiền của bà B là để cho người khác vay lại nhằm mục đích kiếm tiền lời để tiêu dùng cá nhân, bà B1 hoàn toàn không biết, không liên quan đến việc vay tiền của bà B và bà B1 cũng không có ký tên vào Giấy mượn tiền mà bà B cung cấp.

Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2026, bị đơn là bà Lê Thị B1 trình bày: Bà hoàn toàn không biết việc ông Đ có vay tiền của bà B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện, đồng thời xác định từ thời điểm vay tiền (ngày 05 tháng 12 năm 2025) cho đến nay thì ông Đ, bà B1 không có trả khoản tiền nào cho bà B. Bị đơn là ông Đ thừa nhận là còn nợ của bà B 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) nhưng cho rằng đây khoản vay vào tháng 11 năm 2025 và ông trả tiền lãi được một tháng với mức tiền lãi thỏa thuận bằng lời nói là 100.000.000VNĐ tiền lãi/một tỷ đồng nợ gốc; đây là khoản nợ của riêng ông,

không có liên quan đến bà B1, ông đồng ý trả 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) cho bà B. Bị đơn là bà B1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn là ông Đ thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là bà B1 được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 39, 58, 143, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà B 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), ghi nhận bà B không yêu cầu trả tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu của bà B về việc yêu cầu bà B1 cùng có nghĩa vụ liên đới với ông Đ trả cho bà B 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng); ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên ông Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà B có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bị đơn là ông Đ, bà B1 có địa chỉ tại ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Bà B1 được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 06/3/2026, ngày 24/3/2026, ngày 10/4/2026 nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà B1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà B1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Bà B cho rằng có cho ông Đ, bà B1 vay 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) nên yêu cầu ông Đ, bà B1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

[4.2] Bà B có cung cấp một tờ Giấy mượn tiền ghi ngày 05 tháng 12 năm 2025 có ghi nhận nội dung là ông Đ có mượn của bà B số tiền 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), thời gian ba mươi ngày trả vốn, có chữ ký, ghi họ tên Huỳnh Long Đ. Ông Đ, bà B1 cho rằng khoản tiền nêu trên là khoản vay của riêng ông Đ, bà B1 hoàn toàn không biết gì về việc ông Đ vay tiền; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc giao nộp chứng cứ số: 126/TB-TA ngày 09/3/2026 nhưng bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh được là khoản vay 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) mà bà có tranh chấp là khoản vay chung của ông Đ, bà B1. Trong khi đó, tại Giấy mượn tiền ghi ngày 05 tháng 12 năm 2025, chỉ ghi nhận ông Đ là người vay tiền và chỉ có ông Đ ký tên, ghi họ tên vào Giấy mượn tiền này, ông Đ thừa nhận giấy mượn tiền là do ông ghi nội dung vào và ký tên. Từ đó có căn cứ để kết luận chỉ có ông Đ vay tiền của bà B.

[4.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng kể từ năm 2022, ông có vay tiền của bà B nhiều lần để cho người khác vay lại và ông có trả tiền lãi đầy đủ cho bà B với mức là 100.000.000VNĐ (một trăm triệu đồng) mỗi tháng trên số nợ gốc là một tỷ đồng, số tiền lãi ông đã trả cho bà B là đã nhiều hơn số tiền vốn, hiện nay ông không còn khả năng để trả tiền vốn nên xin miễn trả nợ cho B. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ thừa nhận hiện nay ông còn nợ của bà B là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) nhưng cho rằng đây khoản vay vào tháng 11 năm 2025 và ông trả tiền lãi được một tháng với mức tiền lãi thỏa thuận bằng lời nói là 100.000.000VNĐ tiền lãi/một tỷ đồng nợ gốc; đây là khoản nợ của riêng ông, không có liên quan đến bà B1, ông đồng ý trả 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) cho bà B nhưng bà B không đồng ý với lời trình bày này của ông Đ, trong khi đó, ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày về việc trả tiền lãi của ông theo Thông báo về việc giao nộp chứng cứ số: 127/TB-TA ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày nêu trên của ông Đ về việc trả tiền lãi.

Bà B yêu cầu ông Đ, bà B1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) nhưng ông Đ, bà B1 không đồng ý với yêu cầu liên đới này của bà B. Trong khi đó, bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu liên đới trả nợ của bà là có căn cứ theo Thông báo về việc giao nộp chứng cứ số: 126/TB-TA ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long. Đồng thời, như phần trên đã nhận định: Giấy mượn tiền ghi ngày 05 tháng 12 năm 2025 chỉ có ghi nhận nội dung là ông Đ có mượn của bà B 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), chỉ có chữ ký,

ghi họ tên của ông Huỳnh Long Đ, bà B1 không có ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên; số tiền nêu trên là lớn, không có tài liệu, chứng cứ để xác định ông Đ vay khoản tiền trên để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc thuộc các trường hợp khác theo định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không chấp nhận yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông Đ, bà B1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà B; do đây là khoản nợ của ông Đ nên ông Đ có nghĩa vụ trả khoản nợ này cho bà B theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Bà B không yêu cầu trả tiền lãi nên ghi nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông Đ, bà B1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng).

[6.2] Ông Đ có nghĩa vụ trả tiền cho bà B nhưng ông Đ là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 14, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. T:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu ông Huỳnh Long Đ và bà Lê Thị B1 (bị đơn) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B: Buộc ông Huỳnh Long Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền vay còn nợ là 1.100.000.000VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng), ghi nhận bà B không yêu cầu trả tiền lãi.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Bà Trần Thị B phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà B đã nộp là 22.500.000VNĐ (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002444 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; hoàn trả lại cho bà Trần Thị B số tiền chênh lệch là 22.200.000VNĐ (hai mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

3.2) Ông Huỳnh Long Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Trần Thị B, ông Huỳnh Long Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà Lê Thị B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên